HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN **TỈNH THÁI NGUYÊN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: /2026/NQ-HĐND (DỰ THẢO LẦN 1)	*Thái Nguyên, ngày tháng 11 năm 2026*

NGHỊ QUYẾT
Ban hành Quy định về định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách tỉnh Thái Nguyên năm 2027

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15;

Căn cứ Nghị quyết số 12/2026/UBTVQH16 ngày 29 tháng 7 năm 2026 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Quy định về nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước năm 2027;

Căn cứ Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21 tháng 6 năm 2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Nghị định số 111/2025/NĐ-CP ngày 22 tháng 5 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21 tháng 6 năm 2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập;

Xét Tờ trình số /TTr-UBND ngày tháng 11 năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên về việc đề nghị ban hành quy định về định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách tỉnh Thái Nguyên năm 2027; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; Báo cáo số /BC-UBND ngày tháng 12 năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên giải trình, làm rõ một số nội dung thẩm tra của các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh và thảo luận của các Tổ đại biểu tại Kỳ họp thứ , Hội đồng nhân dân tỉnh Khóa XV, nhiệm kỳ 2026 - 2031; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp;

Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết quy định về định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách tỉnh Thái Nguyên năm 2027.

Điều 1. Ban hành kèm theo Nghị quyết này Quy định về định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách tỉnh Thái Nguyên năm 2027.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết theo đúng quy định của pháp luật.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Điều 3. Điều khoản thi hành

1. Nghị quyết này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2027.

2. Nghị quyết số 27/2025/NQ-HĐND ngày 14 tháng 11 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên ban hành quy định về định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách tỉnh Thái Nguyên năm 2026 hết hiệu lực kể từ ngày Nghị quyết này có hiệu lực.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên Khóa XV, Kỳ họp thứ ..... thông qua ngày tháng 12 năm 2026./.

CHỦ TỊCH

Bùi Văn Lương

Nơi nhận:
- Ủy ban Thường vụ Quốc hội (Báo cáo);
- Chính phủ (Báo cáo);
- Bộ Tài chính (Báo cáo);
- Cục Kiểm tra văn bản và Quản lý xử lý vi phạm hành chính - Bộ Tư pháp (Kiểm tra);
- Thường trực Tỉnh ủy (Báo cáo);
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Ủy ban MTTQ tỉnh;
- Các đại biểu HĐND tỉnh Khóa XV;
- Các cơ quan ngành dọc Trung ương đóng trên địa bàn;
- Văn phòng: Tỉnh ủy, UBND tỉnh;
- Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành của tỉnh;
- TT HĐND, UBND các xã, phường;
- Báo và phát thanh, truyền hình Thái Nguyên; Trung tâm Thông tin tỉnh;
- Lưu: VT, CTHĐND.

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN **TỈNH THÁI NGUYÊN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

QUY ĐỊNH
Định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách tỉnh Thái Nguyên năm 2027
(Ban hành Kèm theo Nghị quyết số /2026/NQ-HĐND)

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định các nguyên tắc, định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước cho năm ngân sách 2027 và các năm tiếp theo theo quy định của Luật ngân sách nhà nước.

2. Đối tượng áp dụng

a) Cơ quan của Đảng Cộng sản Việt Nam, Nhà nước, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội, các đơn vị dự toán cấp tỉnh và các xã, phường (sau đây gọi là cấp xã), đơn vị sự nghiệp công lập, các tổ chức Hội do Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ.

b) Cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến lập, phân bổ, chấp hành dự toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước.

Điều 2. Nguyên tắc phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước

1. Góp phần thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh; ưu tiên bố trí kinh phí cho những lĩnh vực quan trọng và vùng đồng bào dân tộc thiểu số, miền núi đặc biệt khó khăn.

2. Phù hợp với khả năng cân đối ngân sách nhà nước năm 2027, kế hoạch tài chính 05 năm giai đoạn 2026 - 2030. Ưu tiên nguồn lực để thực hiện các Nghị quyết của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; đột phá phát triển giáo dục và đào tạo; đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp luật; tăng cường bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe Nhân dân; phát triển văn hóa Việt Nam; hội nhập quốc tế trong tình hình mới; tiếp tục cải cách chính sách tiền lương, các chính sách an sinh xã hội. Nâng cao hiệu quả sử dụng ngân sách nhà nước, cơ cấu lại ngân sách nhà nước theo hướng giảm tỷ trọng chi thường xuyên gắn với phân cấp, phân quyền, phát huy tính chủ động, tự lực, tự cường của các cấp, đáp ứng yêu cầu thực hiện nhiệm vụ chính trị của từng cơ quan, đơn vị và địa phương.

3. Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; cải cách hành chính nâng cao chất lượng dịch vụ công, sử dụng hiệu quả ngân sách nhà nước; góp phần đổi mới quản lý tài chính đối với khu vực sự nghiệp công để giảm mức hỗ trợ trực tiếp cho đơn vị sự nghiệp công lập, tăng nguồn bảo đảm chính sách hỗ trợ người nghèo, đối tượng chính sách tiếp cận các dịch vụ sự nghiệp công, khuyến khích xã hội hoá, huy động các nguồn lực xã hội để phát triển kinh tế - xã hội.

4. Tiêu chí phân bổ ngân sách rõ ràng, đơn giản, thuận lợi trong thực hiện và kiểm tra, giám sát; báo đám công bằng, công khai, minh bạch, tăng cường tính chủ động, gắn với chức năng, nhiệm vụ, chính sách, chế độ chi ngân sách nhà nước, xác định rõ trách nhiệm cùa từng cơ quan, đơn vị và người đứng đầu trong quản lý sử dụng ngân sách nhà nước.

5. Định mức phân bổ của ngân sách địa phương được xây dựng cho các lĩnh vực chi theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước, bảo đảm kinh phí chi tiền lương, phụ cấp, các khoản đóng góp theo chế độ, chi hoạt động thường xuyên theo mức lương cơ sở 2.530.000 đồng/tháng, kinh phí hoạt động của cơ quan quản lý hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập và kinh phí thực hiện các chế độ chính sách do Trung ương ban hành và địa phương ban hành (đến thời điểm Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết quy định về định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách tỉnh Thái Nguyên năm 2027).

6. Trong quá trình phân bổ, quản lý và sử dụng ngân sách nhà nước, yêu cầu các cơ quan, đơn vị, địa phương quán triệt thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, cải cách hành chính và thực hiện công khai minh bạch theo chế độ quy định. Đưa tối đa các khoản chi thường xuyên vào định mức chi quản lý hành chính với yêu cầu triệt để tiết kiệm, giảm các khoản chi hội nghị, hội thảo.

7. Định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách cấp xã quy định tại Nghị quyết này để làm cơ sở Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định chi thường xuyên, trong đó chi tiết lĩnh vực giáo dục, đào tạo và dạy nghề, lĩnh vực khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và dự phòng ngân sách. Ngoài định mức phân bổ quy định tại Nghị quyết này, căn cứ khả năng cân đối ngân sách, Sở Tài chính báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét hỗ trợ các địa phương thêm một phần kinh phí để tăng chi hoạt động thường xuyên. Căn cứ vào dự toán chi thường xuyên được cấp trên giao, Ủy ban nhân dân cấp xã trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định phương án phân bổ đảm bảo theo đúng quy định của Luật Ngân sách nhà nước năm 2025.

Chương II

ĐỊNH MỨC PHÂN BỔ DỰ TOÁN CHI THƯỜNG XUYÊN NGÂN SÁCH TỈNH THÁI NGUYÊN NĂM 2027

Điều 3. Định mức phân bổ chi quản lý hành chính

1. Cấp tỉnh

a) Tiền lương, phụ cấp, tiền thưởng và các khoản đóng góp theo lương: Theo quy định hiện hành trên cơ sở số biên chế có mặt.

b) Chi hoạt động thường xuyên

STT	Các cơ quan Đảng, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, tổ chức chính trị - xã hội, các sở, ban, ngành thuộc tỉnh	Định mức phân bổ (Triệu đồng/ biên chế/năm)
1	Dưới 40 biên chế	47
2	Từ 40 đến dưới 80	46
3	Từ 80 đến dưới 120	45
4	Từ 120 trở lên	44

c) Định mức phân bổ quy định tại điểm b khoản 1 Điều này đã bao gồm:

c1) Các khoản chi thường xuyên phục vụ hoạt động bộ máy các cơ quan: Khen thưởng theo chế độ; phúc lợi tập thể; thông tin, tuyên truyền, liên lạc; công tác phí, hội nghị, tập huấn, tổng kết; văn phòng phẩm; điện nước; xăng dầu; một cửa, tiếp công dân (không bao gồm Ban Tiếp công dân trực thuộc Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh); vận hành trụ sở cơ quan; chi hỗ trợ hoạt động cho công tác đảng, đoàn thể, hoạt động của lực lượng tự vệ trong cơ quan; kinh phí bảo trì, duy trì vận hành trang thông tin điện tử của đơn vị và các khoản chi khác theo quy định;

c2) Các khoản chi nghiệp vụ mang tính thường xuyên phát sinh hằng năm: Chi hoạt động chuyên môn của ngành, lĩnh vực; tập huấn, tuyên truyền phổ biến giáo dục pháp luật, văn bản quy phạm pháp luật; chi hoạt động kiểm tra, giám sát, chi nhiệm vụ lưu trữ hàng năm; khoán kinh phí sử dụng xe ô tô phục vụ công tác và các khoản chi khác theo quy định;

c3) Kinh phí bảo dưỡng, bảo trì, sửa chữa nhỏ, thường xuyên trụ sở phục vụ công tác chuyên môn; kinh phí mua sắm , thay thế, sửa chữa, bảo trì, bảo dưỡng tài sản, máy móc, trang thiết bị văn phòng phổ biến của cơ quan, tổ chức, đơn vị theo quy định; kinh phí thuê dịch vụ phục vụ công tác chuyên môn, thường xuyên của cán bộ công chức theo quy định.

c4) Nâng lương thường xuyên.

d) Định mức phân bổ quy định tại điểm b khoản 1 Điều này không bao gồm:

d1) Tiền lương và các khoản có tính chất tiền lương;

d2) Tiền lương, tiền công lao động và chi hoạt động cho các đối tượng hợp đồng lao động quy định tại Nghị định số 111/2022/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2022 của Chính phủ về hợp đồng đối với một số loại công việc trong cơ quan hành chính và đơn vị sự nghiệp công lập (viết tắt là Nghị định số 111/2022/NĐ-CP) và Nghị định số 173/2025/NĐ-CP ngày 30 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ

về hợp đồng thực hiện nhiệm vụ của công chức (viết tắt là Nghị định số 173/2025/NĐ-CP);

d3) Xây dựng, hoàn thiện văn bản quy phạm pháp luật.

đ) Các khoản chi đặc thù mang tính chất chung của các cơ quan bao gồm: Chi tổ chức đại hội cấp tỉnh; chi hoạt động các Ban Chỉ đạo cấp tỉnh, tổ công tác liên ngành; sửa chữa lớn trụ sở; chi mua sắm máy móc, thiết bị dùng chung theo quy định; chi nghiệp vụ đặc thù của ngành; trang phục ngành, chi giám sát phản biện xã hội; ISO; chi thực hiện các nhiệm vụ được Ủy ban nhân dân tỉnh giao. Căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ và khả năng ngân sách, Sở Tài chính báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định trong phương án phân bổ hằng năm.

e) Đối với lao động hợp đồng theo Nghị định số 111/2022/NĐ-CP và hợp đồng theo Nghị định số 173/2025/NĐ-CP: Đảm bảo tiền lương, tiền công lao động theo thực tế của cơ quan, đơn vị và phù hợp với vị trí việc làm đã được phê duyệt. Đối với chi hoạt động thường xuyên hỗ trợ 11 triệu đồng/hợp đồng/năm.

g) Đối với Văn phòng Tỉnh ủy và các Ban xây dựng Đảng Tỉnh ủy, Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh, Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh ngoài định mức trên có tính toán, bổ sung thêm các nhiệm vụ chi đặc thù của từng cơ quan, đơn vị trên cơ sở định mức, tiêu chuẩn, chế độ theo quy định hiện hành.

2. Cấp xã

a) Đảm bảo đủ tiền lương, phụ cấp, tiền thưởng và các khoản đóng góp theo lương. Đối với số biên chế chưa tuyển dụng, tính lương chuyên viên bậc 1, hệ số 2,34.

b) Định mức chi hoạt động thường xuyên: 44 triệu đồng/biên chế/năm.

c) Định mức chi hoạt động thường xuyên tại điểm b khoản 2 Điều này, bao gồm:

c1) Các khoản chi thường xuyên phục vụ hoạt động bộ máy các cơ quan: Khen thưởng theo chế độ; phúc lợi tập thể; thông tin, tuyên truyền, liên lạc; công tác phí, hội nghị, tập huấn, tổng kết; văn phòng phẩm; điện nước; xăng dầu; một cửa, tiếp công dân, vận hành trụ sở cơ quan, chi hỗ trợ hoạt động cho công tác đảng, đoàn thể, hoạt động của lực lượng tự vệ trong cơ quan và các khoản chi khác theo quy định;

c2) Các khoản chi nghiệp vụ mang tính thường xuyên phát sinh hằng năm: Chi hoạt động chuyên môn của ngành, lĩnh vực; tập huấn, tuyên truyền phổ biến giáo dục pháp luật, văn bản quy phạm pháp luật; chi hoạt động kiểm tra, giám sát, chi nhiệm vụ lưu trữ hàng năm; khoán kinh phí sử dụng xe ô tô phục vụ công tác và các khoản chi khác theo quy định;

c3) Kinh phí bảo dưỡng, bảo trì, sửa chữa nhỏ, thường xuyên trụ sở phục vụ công tác chuyên môn; kinh phí mua sắm , thay thế tài sản, máy móc, trang thiết

bị văn phòng phổ biến của cơ quan, tổ chức, đơn vị theo quy định; kinh phí thuê dịch vụ phục vụ công tác chuyên môn, thường xuyên của cán bộ công chức theo quy định.

c4) Nâng lương thường xuyên.

d) Đối với lao động hợp đồng theo Nghị định số 111/2022/NĐ-CP:

- Đối với các xã phường có 1 trụ sở: Hỗ trợ 400 triệu đồng/xã, phường.

- Đối với các xã, phường có từ 2 trụ sở trở lên: Hỗ trợ 800 triệu đồng/xã, phường.

đ) Tiêu chí bổ sung

đ1) Hỗ trợ thêm một khoản kinh phí để chi các nhiệm vụ đặc thù, các chế độ quy định theo phân cấp (như kinh phí hỗ trợ hoạt động của Đảng ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp xã; Trung tâm phục vụ hành chính công):

STT	Địa phương	Định mức (Triệu đồng/ đơn vị/năm)
1	Phường Phan Đình Phùng	1.600
2	Phường Linh Sơn; phường Tích Lương; phường Gia Sàng; phường Quan Triều; phường Phổ Yên; phường Vạn Xuân; phường Trung Thành; phường Bắc Kạn; phường Đức Xuân; phường Quyết Thắng; phường Sông Công; phường Bá Xuyên; phường Bách Quang; phường Phúc Thuận; xã Đại Phúc; xã Phú Bình; xã Kha Sơn; xã Vô Tranh; xã Điềm Thụy; xã Phú Lương	1.500
3	Xã Định Hóa; xã Bình Yên; xã Đồng Hỷ; xã Đại Từ; xã Bằng Thành; xã Đồng Phúc; xã Chợ Đồn; xã Phủ Thông; xã Cẩm Giàng	1.400
4	Các xã, phường còn lại	1.300

đ2) Định mức phân bổ kinh phí cho người hoạt động không chuyên trách ở thôn (xóm), tổ dân phố: Thực hiện theo các quy định hiện hành.

đ3) Định mức phân bổ kinh phí chi trả thù lao hằng tháng đối với thành viên đội công tác xã hội tình nguyện cấp xã: Thực hiện theo quy định hiện hành.

đ4) Định mức phân bổ kinh phí hoạt động Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội ở cấp xã:

ĐVT: Triệu đồng/đơn vị/năm

STT	Địa phương	Ủy ban Mặt trận Tổ quốc	Tổ chức chính trị - xã hội[1]
1	Phường Phan Đình Phùng	75	65
2	Phường Linh Sơn; phường Tích Lương; phường Gia Sàng; phường Quan Triều; phường Phổ Yên; phường Vạn Xuân; phường Trung Thành; phường Bắc Kạn; phường Đức Xuân; phường Quyết Thắng; phường Sông Công; phường Bá Xuyên; phường Bách Quang; phường Phúc Thuận; xã Đại Phúc; xã Phú Bình; xã Kha Sơn; xã Vô Tranh; xã Điềm Thụy; xã Phú Lương	70	60
3	Xã Định Hoá; xã Bình Yên; xã Đồng Hỷ; xã Đại Từ; xã Bằng Thành; xã Đồng Phúc; xã Chợ Đồn; xã Phủ Thông; xã Cẩm Giàng	65	55
4	Các xã, phường còn lại	60	50

Ngoài mức khoán trên, các tổ chức chính trị - xã hội (Ban công tác Mặt trận, Chi hội Nông dân, Chi hội Phụ nữ, Chi hội Cựu chiến binh, Chi đoàn thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh) ở xóm thuộc các xã đặc biệt khó khăn và xóm đặc biệt khó khăn phân bổ mức 2 triệu đồng/chi hội/năm.

đ6) Định mức phân bổ kinh phí hoạt động của Ban Thanh tra nhân dân cấp xã; Ban giám sát đầu tư cộng đồng

ĐVT: Triệu đồng/Ban/năm

STT	Địa phương	Ban Thanh tra nhân dân	Ban giám sát đầu tư cộng đồng
1	Phường Phan Đình Phùng	40	75
2	Phường Linh Sơn; phường Tích Lương; phường Gia Sàng; phường Quan Triều; phường Phổ Yên; phường Vạn Xuân; phường Trung Thành; phường Bắc Kạn; phường Đức Xuân; phường Quyết Thắng; phường Sông Công; phường Bá Xuyên; phường Bách Quang; phường Phúc Thuận; xã Đại Phúc; xã Phú Bình; xã Kha Sơn; xã Vô Tranh; xã Điềm Thuỵ; xã Phú Lương	30	55

[1] Đoàn thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh; Hội Cựu chiến binh Việt Nam; Hội Liên hiệp phụ nữ Việt Nam; Hội Nông dân Việt Nam

3	Xã Định Hóa; xã Bình Yên; xã Đồng Hỷ; xã Đại Từ; xã Bằng Thành; xã Đồng Phúc; xã Chợ Đồn; xã Phủ Thông; xã Cẩm Giàng	25	45
4	Các xã, phường còn lại	20	35

Điều 4. Định mức phân bổ chi sự nghiệp giáo dục

1. Định mức phân bổ được xác định theo tỷ lệ phần trăm (%) giữa tổng quỹ tiền lương, phụ cấp (bao gồm phụ cấp chức vụ, phụ cấp thâm niên vượt khung), các khoản đóng góp theo lương và chi hoạt động thường xuyên của biên chế có mặt để đảm bảo các hoạt động thường xuyên, cơ cấu (%) chi lương và chi hoạt động thường xuyên 81/19.

2. Nguyên tắc thực hiện

a) Đối với các trường thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo: Ngân sách nhà nước hỗ trợ chi thường xuyên sau khi các trường đã sử dụng nguồn thu sự nghiệp và nguồn thu cấp bù học phí để thực hiện nhiệm vụ cung ứng dịch vụ sự nghiệp công thuộc danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước nhưng chưa bảo đảm chi thường xuyên. Đối với chi các hoạt động chung, Sở Giáo dục và Đào tạo căn cứ nhiệm vụ thực tế năm học lập dự toán gửi Sở Tài chính tổng hợp, báo cáo cấp có thẩm quyền theo quy định.

b) Đối với các trường thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã: Định mức trên là cơ sở để xác định tổng chi thường xuyên của ngân sách cho sự nghiệp giáo dục. Căn cứ định mức trên Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện phân bổ dự toán cho các trường trực thuộc, hỗ trợ chi thường xuyên sau khi các trường đã sử dụng nguồn thu sự nghiệp và nguồn thu học phí để thực hiện nhiệm vụ cung ứng dịch vụ sự nghiệp công thuộc danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước nhưng chưa bảo đảm chi thường xuyên. Chủ động bố trí kinh phí thực hiện các đề án, dự án đã được duyệt và tăng cường cơ sở vật chất cho các trường.

c) Đối với lao động hợp đồng theo Nghị định số 235/2026/NĐ-CP ngày 26/6/2026 của Chính phủ về hợp đồng thực hiện công việc trong đơn vị sự nghiệp công lập (sau đây viết tắt là Nghị định số 235/2026/NĐ-CP) và hợp đồng khoán theo Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh.

c1) Đảm bảo đủ tiền lương, tiền công lao động theo Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt số lượng định mức khoán đối với các trường mầm non, phổ thông công lập thuộc tỉnh Thái Nguyên; số lượng hợp đồng lao động thực hiện công việc chuyên môn nghiệp vụ, hợp đồng hỗ trợ thuộc danh mục vị trí việc làm viên chức theo Nghị định số 235/2026/NĐ-CP thuộc lĩnh vực giáo dục;

c2) Đối với chi hoạt động thường xuyên:

- Hợp đồng lao động thực hiện công việc chuyên môn nghiệp vụ, hợp đồng hỗ trợ thuộc danh mục vị trí việc làm viên chức theo Nghị định số 235/2026/NĐ-CP: Hỗ trợ 3,3 triệu đồng/ hợp đồng/năm học.

- Hợp đồng khoán giảng dạy: 3,3 triệu đồng/10 định mức/năm học.

3. Định mức chi hoạt động thường xuyên trên đã bao gồm

a) Nâng lương thường xuyên;

b) Kinh phí mua sắm trang thiết bị của giáo viên để phục vụ dạy và học, kinh phí sửa chữa thường xuyên tài sản; kinh phí tham quan học tập kinh nghiệm theo chế độ; lương nhân viên bảo vệ và nhân viên phục vụ vệ sinh;

c) Kinh phí thực hiện chế độ đối với giáo viên thể dục thể thao và giáo viên quốc phòng theo quy định;

d) Nguồn thu cấp bù học phí đối với các trường trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo.

4. Định mức chi hoạt động thường xuyên trên chưa bao gồm

a) Nguồn thu học phí đối với các trường trực thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã;

b) Kinh phí tổ chức các kỳ thi, cuộc thi cấp tỉnh; ôn luyện, tham dự kỳ thi học sinh giỏi quốc gia, khu vực, quốc tế, thi Olympic, các cuộc thi hoạt động khối các trường chuyên, thi tốt nghiệp THPT; thưởng danh hiệu thi đua của ngành theo Quyết định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Sở Giáo dục và Đào tạo; chi phí điện, nước, mua sắm, sửa chữa đồ dùng, dụng cụ phòng nội trú, nhà ăn học sinh của trung tâm hỗ trợ phát triển giáo dục hòa nhập.

5. Trung tâm học tập cộng đồng: Hỗ trợ 35 triệu đồng/trung tâm/năm (Bao gồm Phụ cấp kiêm nhiệm đối với cán bộ tham gia quản lý Trung tâm học tập cộng đồng và kinh phí hoạt động thường xuyên).

6. Định mức bổ sung

a) Các Trường phổ thông dân tộc nội trú, Trường phổ thông dân tộc bán trú, Trường THPT Chuyên bổ sung kinh phí đặc thù 110 triệu đồng/trường/năm;

b) Các trường có điểm trường lẻ, bổ sung kinh phí hoạt động 55 triệu đồng/ điểm trường lẻ/năm;

c) Kinh phí thực hiện các chế độ, chính sách theo quy định hiện hành.

d) Hỗ trợ các địa phương, đơn vị để thực hiện mua sắm, bảo dưỡng, sửa chữa, nâng cấp tài sản, cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ chương trình đổi mới giáo dục và các nhiệm vụ khác: Hằng năm, căn cứ vào nhu cầu và khả năng cân đối của ngân sách, Sở Tài chính báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định trong phương án phân bổ dự toán.

Điều 5. Định mức phân bổ chi sự nghiệp đào tạo và dạy nghề

1. Cấp tỉnh

a) Thực hiện theo cơ chế nhà nước đặt hàng, giao nhiệm vụ cung cấp dịch vụ sự nghiệp công. Trường hợp cơ quan có thẩm quyền chưa ban hành định mức kinh tế - kỹ thuật, định mức chi phí, giá dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước được xác định như sau:

a1) Đối với đơn vị thực hiện công tác đào tạo, bồi dưỡng, dạy nghề: Chi cho bộ máy áp dụng định mức phân bổ theo quy định tại Điều 7 của Nghị quyết này. Định mức phân bổ công tác đào tạo, bồi dưỡng theo chỉ tiêu, kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng được Ủy ban nhân dân tỉnh giao và các chế độ, định mức, tiêu chuẩn chi tiêu ngân sách hiện hành. Định mức chi cho công tác đào tạo, bồi dưỡng, dạy nghề thực hiện theo quy định của pháp luật về giá;

a2) Đối với các đơn vị tự đảm bảo chi thường xuyên và chi đầu tư; đơn vị tự đảm bảo chi thường xuyên: Ngân sách nhà nước không hỗ trợ kinh phí. Đơn vị thực hiện báo cáo đầy đủ nguồn thu, nhiệm vụ chi năm hiện hành và dự kiến năm kế hoạch, gửi cơ quan quản lý cấp trên tổng hợp, gửi Sở Tài chính cùng thời điểm xây dựng dự toán ngân sách hằng năm.

b) Đối với các chỉ tiêu đào tạo nghề được giao hằng năm cho Sở Giáo dục và Đào tạo: Phân bổ theo chỉ tiêu, kế hoạch đào tạo được Ủy ban nhân dân tỉnh giao và các chế độ, định mức, tiêu chuẩn chi tiêu ngân sách hiện hành.

c) Định mức trên chưa bao gồm kinh phí hỗ trợ miễn, giảm học phí cho các đối tượng; kinh phí hỗ trợ chi phí học tập đối với sinh viên là người dân tộc thiểu số học tại các cơ sở giáo dục đại học theo Quyết định số 66/2013/QĐ-TTg ngày 11 tháng 11 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ quy định chính sách hỗ trợ chi phí học tập đối với sinh viên là người dân tộc thiểu số học tại các cơ sở giáo dục đại học; kinh phí hỗ trợ học sinh, sinh viên cao đẳng, trung cấp theo Quyết định số 53/2015/QĐ-TTg ngày 20 tháng 10 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách nội trú đối với học sinh, sinh viên học cao đẳng, trung cấp và các chế độ chính sách hiện hành của nhà nước.

d) Đối với số học sinh, sinh viên, học viên không thuộc chỉ tiêu được giao (ngoài kế hoạch): Thực hiện theo cơ chế cung ứng dịch vụ công, cơ sở đào tạo chủ động cân đối nguồn kinh phí từ nguồn thu đóng góp của học sinh, sinh viên, học viên theo quy định, ngân sách nhà nước không hỗ trợ kinh phí.

đ) Đào tạo lại (giao cho các sở, ban, ngành): Thực hiện theo Thông tư số 100/2025/TT-BTC ngày 28 tháng 10 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí dành cho công tác đào tạo, bồi dưỡng công chức, viên chức.

2. Cấp xã

Thực hiện theo cơ chế nhà nước đặt hàng, giao nhiệm vụ cung cấp dịch vụ sự nghiệp công. Trường hợp cơ quan có thẩm quyền chưa ban hành định mức kinh

tế kỹ thuật, định mức chi phí, giá dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước được xác định như sau:

Định mức phân bổ cho bộ máy: Áp dụng định mức phân bổ theo quy định tại khoản 2 Điều 7 của Nghị quyết này.

Phân bổ kinh phí chi bồi dưỡng về lý luận chính trị và nghiệp vụ tại Trung tâm chính trị: 0,3 triệu đồng/học viên/khóa học.

Định mức phân bổ trên chưa bao gồm nguồn thu học phí, thu sự nghiệp và các khoản thu hợp pháp phát sinh tại đơn vị.

Điều 6. Định mức phân bổ chi sự nghiệp y tế

Kinh phí phân bổ chi thường xuyên thực hiện theo quy định hiện hành về lộ trình kết cấu giá dịch vụ khám chữa bệnh và phân loại đơn vị sự nghiệp công lập được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Ngân sách nhà nước ưu tiên đảm bảo nguồn thực hiện công tác y tế dự phòng, cụ thể như sau:

1. Hệ khám chữa bệnh

Thực hiện theo quy định hiện hành của nhà nước về chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về tài chính đối với đơn vị sự nghiệp công lập

2. Đối với khu điều trị bệnh nhân phong thuộc Bệnh viện đa khoa Phú Bình: Thực hiện cơ chế đặt hàng hoặc giao nhiệm vụ theo quy định tại Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21 tháng 6 năm 2021 của Chính phủ; Nghị định số 111/2025/NĐ-CP ngày 22 tháng 5 năm 2025 của Chính phủ. Trong trường hợp chưa xây dựng đơn giá khám chữa bệnh, chăm sóc và nuôi dưỡng người bệnh phong, chi bộ máy áp dụng định mức phân bổ theo quy định tại Điều 7 của Nghị quyết này. Chi cho bệnh nhân phong được áp dụng chế độ quy định đối với đối tượng bảo trợ xã hội.

3. Đối với Bệnh viện sức khỏe Tâm thần: Chi bộ máy áp dụng định mức phân bổ theo quy định tại Điều 7 của Nghị quyết này.

4. Đối với lĩnh vực y tế dự phòng, dân số, an toàn thực phẩm, giám định y khoa, giám định pháp y, kiểm nghiệm, kiểm định, bảo vệ chăm sóc sức khỏe cán bộ tỉnh: Áp dụng định mức phân bổ theo quy định tại Điều 7 của Nghị quyết này.

5. Đối với phụ cấp nhân viên y tế thôn, bản thực hiện theo quy định hiện hành.

6. Ưu tiên phân bổ tối thiểu 30% ngân sách y tế trong định mức phân bổ theo tiêu chí dân số của Trung ương bố trí cho địa phương để thực hiện nhiệm vụ y tế dự phòng.

7. Kinh phí mua thẻ bảo hiểm y tế cho các đối tượng theo quy định phân cấp quản lý ngân sách.

8. Hằng năm, căn cứ vào nhu cầu và khả năng cân đối của ngân sách, Sở Tài chính báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định

trong phương án phân bổ hàng năm kinh phí ngân sách nhà nước hỗ trợ cho các đơn vị sự nghiệp công ngành y tế thực hiện mua sắm trang thiết bị, sửa chữa trụ sở, trang thiết bị.

Điều 7. Định mức phân bổ chi bộ máy của các đơn vị sự nghiệp

Thực hiện phân bổ chi thường xuyên ngân sách nhà nước cho các lĩnh vực sự nghiệp căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao, định hướng sắp xếp, kiện toàn đơn vị sự nghiệp công lập theo yêu cầu của Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 25 tháng 10 năm 2017 của Ban Chấp hành Trung ương Khóa XII về tiếp tục đổi mới hệ thống tổ chức và quản lý, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập, kế hoạch định hướng sắp xếp, tinh gọn của Ban Chri đạo về tổng kết thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW, Kết luận số 210-KL/TW ngày 12/11/2025 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng Khoá XIII về tiếp tục xây dựng, hoàn thiện tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị trong thời gian tới, các quy định của pháp luật về cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập, về giao nhiệm vụ đặt hàng, đấu thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ sự nghiệp công. Trong đó:

1. Cấp tỉnh

a) Đối với các đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo chi thường xuyên và chi đầu tư; đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo chi thường xuyên: Ngân sách nhà nước không hỗ trợ chi thường xuyên. Đơn vị thực hiện báo cáo đầy đủ nguồn thu, nhiệm vụ chi năm hiện hành và dự kiến năm kế hoạch, gửi cơ quan quản lý cấp trên tổng hợp, gửi Sở Tài chính cùng thời điểm xây dựng dự toán ngân sách hằng năm.

b) Đối với các đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo một phần chi thường xuyên: Định mức phân bổ chi hoạt động tính theo biên chế sự nghiệp được nhà nước đảm bảo chi thường xuyên (bao gồm tiền lương, phụ cấp, các khoản đóng góp theo lương và chi hoạt động thường xuyên). Ngân sách nhà nước hỗ trợ chi thường xuyên sau khi đơn vị đã sử dụng nguồn thu sự nghiệp và nguồn thu phí được để lại để thực hiện nhiệm vụ, cung ứng dịch vụ sự nghiệp công thuộc danh mục dịch vụ sự nghiệp công chưa tính đủ chi phí. Thực hiện khoán chi ngân sách hỗ trợ giai đoạn 2026 - 2030; hằng năm, thực hiện giảm tối thiểu 2,5% chi hỗ trợ trực tiếp từ ngân sách nhà nước đối với phần kinh phí chi thường xuyên giao tự chủ của các đơn vị sự nghiệp công (trừ đơn vị sự nghiệp công cung cấp dịch vụ sự nghiệp công cơ bản, thiết yếu) và đảm bảo giảm bình quân 15% so với giai đoạn 2022 - 2025. Đồng thời, thực hiện tiết kiệm 10% chi thường xuyên nguồn ngân sách tăng thêm hằng năm và yêu cầu dành nguồn thu sự nghiệp của các đơn vị để thực hiện cải cách tiền lương, ngân sách chi hỗ trợ kinh phí thực hiện cải cách tiền lương tối đa theo tỷ lệ ngân sách hỗ trợ chi thường xuyên.

c) Đối với đơn vị sự nghiệp công do nhà nước đảm bảo toàn bộ chi thường xuyên: Tiếp tục giảm bình quân 15% chi trực tiếp từ ngân sách nhà nước so với giai đoạn 2022 - 2025 trừ các dịch vụ công cơ bản, thiết yếu do ngân sách nhà nước bảo đảm theo quy định tại Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 25 tháng 10 năm 2017 của Ban Chấp hành Trung ương Khóa XII về tiếp tục đổi mới hệ thống tổ chức và quản lý, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập; đồng thời, thực hiện tiết kiệm 10% chi thường xuyên nguồn ngân sách tăng thêm hằng năm và sắp xếp từ nguồn dự toán ngân sách nhà nước được giao để thực hiện cải cách chính sách tiền lương.

d) Tiền lương, phụ cấp và các khoản đóng góp theo lương: Thực hiện theo quy định hiện hành trên cơ sở số biên chế có mặt.

Chi hoạt động thường xuyên được phân bổ như sau:

STT	Đơn vị sự nghiệp	Định mức phân bổ (Triệu đồng/biên chế/năm)
1	Dưới 40 biên chế	36
2	Từ 40 đến dưới 80	35
3	Từ 80 đến dưới 120	34
4	Từ 120 trở lên	33

Định mức phân bổ chi hoạt động thường xuyên trên đã bao gồm nâng lương thường xuyên; nâng lương trước hạn; thăng hạng chức danh nghề nghiệp; các khoản phụ cấp tăng thêm do nâng lương thường xuyên, nâng lương trước hạn, thăng hạng chức danh nghề nghiệp.

đ) Đối với lao động hợp đồng theo Nghị định số 235/2026/NĐ-CP: Đảm bảo tiền lương, tiền công lao động theo thực tế của cơ quan, đơn vị và phù hợp với vị trí việc làm đã được phê duyệt. Đối với chi hoạt động thường xuyên hỗ trợ 08 triệu đồng/hợp đồng/năm.

2. Cấp xã

a) Đối với các đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo chi thường xuyên và chi đầu tư; đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo chi thường xuyên; đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo một phần chi thường xuyên: Áp dụng nguyên tắc, tiêu chí phân bổ theo quy định tại điểm a, điểm b khoản 1 Điều này.

b) Đơn vị sự nghiệp công do nhà nước đảm bảo toàn bộ chi thường xuyên: Áp dụng nguyên tắc, tiêu chí phân bổ theo quy định tại điểm c, khoản 1 Điều này. Riêng định mức chi hoạt động thường xuyên: 33 triệu đồng/biên chế/năm.

Điều 8. Định mức phân bổ chi sự nghiệp văn hóa thông tin

1. Cấp tỉnh

a) Định mức phân bổ cho bộ máy: Áp dụng định mức phân bổ theo quy định tại khoản 1 Điều 7 của Nghị quyết này.

b) Định mức phân bổ các hoạt động văn hóa, thông tin: Căn cứ vào nhiệm vụ chi của ngân sách cấp tỉnh theo phân cấp, các chương trình, kế hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt, chế độ, tiêu chuẩn, định mức chi ngân sách hiện hành và khả năng ngân sách, Sở Tài chính phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan tính toán cụ thể báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định trong phương án phân bổ ngân sách hằng năm.

2. Cấp xã

a) Định mức phân bổ

STT	Địa phương	Định mức (Triệu đồng/ đơn vị/năm)
1	Phường Phan Đình Phùng	550
2	Phường Linh Sơn; phường Tích Lương; phường Gia Sàng; phường Quan Triều; phường Phổ Yên; phường Vạn Xuân; phường Trung Thành; phường Bắc Kạn; phường Đức Xuân; phường Quyết Thắng; phường Sông Công; phường Bá Xuyên; phường Bách Quang; phường Phúc Thuận; xã Đại Phúc; xã Phú Bình; xã Kha Sơn; xã Vô Tranh; xã Điềm Thụy; xã Phú Lương	450
3	Xã Định Hóa; xã Bình Yên; xã Đồng Hỷ; xã Đại Từ; xã Bằng Thành; xã Đồng Phúc; xã Chợ Đồn; xã Phủ Thông; xã Cẩm Giàng	400
4	Các xã, phường còn lại	350

b) Tiêu chí bổ sung

b1) Các xã, phường có di tích lịch sử văn hóa cấp quốc gia: Hỗ trợ 220 triệu đồng/xã, phường/năm. Các xã, phường có di tích lịch sử văn hóa cấp quốc gia đặc biệt: Hỗ trợ 550 triệu đồng/xã, phường/năm. Trường hợp các xã, phường có di tích lịch sử văn hóa cấp quốc gia và di tích lịch sử văn hóa cấp quốc gia đặc biệt thì chỉ được hỗ trợ một mức cao hơn.

b2) Các phường: Phan Đình Phùng, Vạn Xuân và Bắc Kạn: Hỗ trợ 1.500 triệu đồng/phường/năm.

Điều 9. Định mức phân bổ chi sự nghiệp thể dục, thể thao

1. Cấp tỉnh

a) Định mức phân bổ cho bộ máy: Áp dụng định mức phân bổ theo quy định tại Điều 7 của Nghị quyết này.

b) Định mức phân bổ các hoạt động thể dục thể thao: Căn cứ vào nhiệm vụ chi của ngân sách cấp tỉnh theo phân cấp, các chương trình, kế hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt, chế độ, tiêu chuẩn, định mức chi ngân sách hiện hành và khả năng cân đối của ngân sách, Sở Tài chính phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan tính toán cụ thể báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định trong phương án phân bổ ngân sách hằng năm.

2. Cấp xã

STT	Địa phương	Định mức (Triệu đồng/ đơn vị/năm)
1	Phường Phan Đình Phùng	400
2	Phường Linh Sơn; phường Tích Lương; phường Gia Sàng; phường Quan Triều; phường Phổ Yên; phường Vạn Xuân; phường Trung Thành; phường Bắc Kạn; phường Đức Xuân; phường Quyết Thắng; phường Sông Công; phường Bá Xuyên; phường Bách Quang; phường Phúc Thuận; xã Đại Phúc; xã Phú Bình; xã Kha Sơn; xã Vô Tranh; xã Điềm Thụy; xã Phú Lương	350
3	Xã Định Hóa; xã Bình Yên; xã Đồng Hỷ; xã Đại Từ; xã Bằng Thành; xã Đông Phúc; xã Chợ Đồn; xã Phủ Thông; xã Cẩm Giàng	300
4	Các xã, phường còn lại	250

Điều 10. Định mức phân bổ chi sự nghiệp phát thanh truyền hình

1. Cấp tỉnh

a) Định mức phân bổ cho bộ máy: Áp dụng định mức phân bổ theo quy định tại Điều 7 của Nghị quyết này.

b) Định mức phân bổ hoạt động phát thanh truyền hình: Thực hiện theo cơ chế nhà nước đặt hàng, giao nhiệm vụ cung cấp dịch vụ sự nghiệp công. Đơn giá, giá dịch vụ sự nghiệp công sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước đặt hàng được xác định trên cơ sở định mức kinh tế - kỹ thuật, định mức chi phí hiện hành của Nhà nước và được cấp có thẩm quyền quyết định theo quy định của pháp luật về giá và các pháp luật khác có liên quan. Trường hợp cơ quan có thẩm quyền chưa ban hành định mức kinh tế - kỹ thuật, định mức chi phí (nếu có), giá dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước được xác định theo quy định của pháp luật về giá.

2. Cấp xã

STT	Địa phương	Định mức (Triệu đồng/ đơn vị/năm)
1	Phường Phan Đình Phùng	350
2	Phường Linh Sơn; phường Tích Lương; phường Gia Sàng; phường Quan Triều; phường Phổ Yên; phường Vạn Xuân; phường Trung Thành; phường Bắc Kạn; phường Đức Xuân; phường Quyết Thắng; phường Sông Công; phường Bá Xuyên; phường Bách Quang; phường Phúc Thuận; xã Đại Phúc; xã Phú Bình; xã Kha Sơn; xã Vô Tranh; xã Điềm Thụy; xã Phú Lương	300
3	Xã Định Hóa; xã Bình Yên; xã Đồng Hỷ; xã Đại Từ; xã Bằng Thành; xã Đồng Phúc; xã Chợ Đồn; xã Phủ Thông; xã Cẩm Giàng	250
4	Các xã, phường còn lại	200

Điều 11. Định mức phân bổ chi đảm bảo xã hội

1. Cấp tỉnh

a) Định mức phân bổ cho bộ máy: Áp dụng định mức phân bổ theo quy định tại Điều 7 của Nghị quyết này.

b) Các khoản chi đặc thù.

Định mức phân bổ cho các đối tượng ở các trung tâm, cơ sở bảo trợ xã hội tập trung: Thực hiện theo quy định hiện hành.

2. Cấp xã

a) Chi cho các hoạt động đảm bảo xã hội (bao gồm cả duy trì, sửa chữa các công trình tưởng niệm do xã quản lý)

STT	Địa phương	Định mức (Triệu đồng/ đơn vị/năm)
1	Phường Phan Đình Phùng	300
2	Phường Linh Sơn; phường Tích Lương; phường Gia Sàng; phường Quan Triều; phường Phổ Yên; phường Vạn Xuân; phường Trung Thành; phường Bắc Kạn; phường Đức Xuân; phường Quyết Thắng; phường Sông Công; phường Bá Xuyên; phường Bách Quang; phường Phúc Thuận; xã Đại Phúc; xã Phú Bình; xã Kha Sơn; xã Vô Tranh; xã Điềm Thụy; xã Phú Lương	250

3	Xã Định Hóa; xã Bình Yên; xã Đồng Hỷ; xã Đại Từ; xã Bằng Thành; xã Đồng Phúc; xã Chợ Đồn; xã Phủ Thông; xã Cẩm Giàng	200
4	Các xã, phường còn lại	150

b) Phân bổ kinh phí cho cấp xã thực hiện chế độ thăm hỏi động viên các gia đình thuộc diện chính sách, người có công với cách mạng, thân nhân liệt sỹ vào các ngày lễ tết gồm các đối tượng sau: Người có công đang hưởng trợ cấp hằng tháng; đại diện thân nhân liệt sĩ đang hưởng trợ cấp hằng tháng và người thờ cúng liệt sĩ (trong trường hợp không còn thân nhân): 900.000 đồng/gia đình/năm.

c) Kinh phí thực hiện các chính sách an sinh xã hội theo quy định hiện hành.

Điều 12. Định mức phân bổ chi quốc phòng, an ninh

Căn cứ mức phân bổ của ngân sách Trung ương cho hoạt động quốc phòng, an ninh hằng năm và khả năng ngân sách, bố trí cho quốc phòng, an ninh như sau:

1. Cấp tỉnh: Căn cứ vào nhiệm vụ chi của ngân sách cấp tỉnh đối với lĩnh vực quốc phòng, an ninh và nhiệm vụ quốc phòng an ninh hằng năm, chế độ, chính sách, định mức chi ngân sách hiện hành và khả năng ngân sách, Sở Tài chính báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định trong phương án phân bổ ngân sách hằng năm.

2. Cấp xã

STT	Địa phương	Định mức (Triệu đồng/ đơn vị/năm)
1	Phường Phan Đình Phùng	1.200
2	Phường Linh Sơn; phường Tích Lương; phường Gia Sàng; phường Quan Triều; phường Phổ Yên; phường Vạn Xuân; phường Trung Thành; phường Bắc Kạn; phường Đức Xuân; phường Quyết Thắng; phường Sông Công; phường Bá Xuyên; phường Bách Quang; phường Phúc Thuận; xã Đại Phúc; xã Phú Bình; xã Kha Sơn; xã Vô Tranh; xã Điềm Thụy; xã Phú Lương	900
3	Xã Định Hóa; xã Bình Yên; xã Đồng Hỷ; xà Đại Từ; xã Bằng Thành; xã Đồng Phúc; xã Chợ Đồn; xã Phủ Thông; xã Cẩm Giàng	800
4	Các xã, phường còn lại	750

b) Chi phụ cấp hằng tháng và mức trợ cấp ngày công lao động cho các chức danh làm công tác quân sự địa phương, dân quân tự vệ ở cấp xã được thực hiện theo quy định của Hội đồng nhân dân tỉnh và Chính phủ.

c) Kinh phí thực hiện chế độ, chính sách đối với Dân quân tự vệ; chế độ, chính sách trong xây dựng, huy động lực lượng dự bị động viên đối với các nội dung thuộc nhiệm vụ chi của ngân sách địa phương.

d) Kinh phí thực hiện mức hỗ trợ, mức bồi dưỡng, mức trợ cấp và mức chi khác cho lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở: Thực hiện theo các quy định của Hội đồng nhân dân tỉnh.

đ) Đối với các xã, phường có tổ chức diễn tập khu vực phòng thủ, diễn tập phòng thủ dân sự theo Kế hoạch của cấp có thẩm quyền: Ngân sách cấp tỉnh hỗ trợ có mục tiêu cho các xã, phường tùy theo khả năng cân đối của ngân sách cấp tỉnh.

Điều 13. Định mức phân bổ chi sự nghiệp khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số

Căn cứ định mức Trung ương giao và nhiệm vụ khoa học, công nghệ của tỉnh hằng năm, phân bổ cụ thể như sau:

1. Cấp tỉnh: Căn cứ vào nhiệm vụ chi của ngân sách cấp tỉnh đối với lĩnh vực khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, chế độ, chính sách, định mức chi ngân sách hiện hành và khả năng ngân sách, Sở Tài chính phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định trong phương án phân bổ ngân sách hằng năm.

2. Cấp xã: Phân bổ bằng tỷ lệ 0,5% tổng chi thường xuyên ngân sách cấp xã từ Điều 3 đến Điều 12 của Nghị quyết này.

Điều 14. Định mức phân bổ chi sự nghiệp kinh tế

1. Cấp tỉnh

a) Định mức phân bổ cho bộ máy: Áp dụng định mức phân bổ theo quy định tại Điều 7 của Nghị quyết này.

b) Các nội dung chi khác: Căn cứ vào nhiệm vụ chi của ngân sách cấp tỉnh theo phân cấp, chương trình, kế hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt, chế độ, tiêu chuẩn, định mức chi ngân sách hiện hành và khả năng ngân sách, Sở Tài chính báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định trong phương án phân bổ ngân sách hằng năm.

2. Cấp xã

a) Phân bổ bàng tỷ lệ 3% tổng chi thường xuyên ngân sách cấp xã từ Điều 3 đến Điều 13 của Nghị quyết này (đã bao gồm kinh phí thực hiện phương án sản xuất nông nghiệp do cấp xã phê duyệt).

b) Kinh phí miễn thu thủy lợi phí, hỗ trợ địa phương sản xuất lúa được phân bổ trên cơ sở mức hỗ trợ của Trung ương.

c) Căn cứ nhiệm vụ chi của ngân sách cấp xã đối với lĩnh vực sự nghiệp kinh tế, bao gồm nhiệm vụ duy tu, bảo dưỡng đường giao thông và các nhiệm vụ

khác theo quy định, chế độ, chính sách, định mức chi ngân sách hiện hành và khả năng ngân sách, Sở Tài chính báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định trong phương án phân bổ ngân sách hằng năm.

Điều 15. Định mức phân bổ chi sự nghiệp bảo vệ môi trường

1. Cấp tỉnh: Đảm bảo mức chi hoạt động môi trường cấp tỉnh quản lý. Căn cứ vào các quy định của Trung ương và khả năng ngân sách, Sở Tài chính báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định trong phương án phân bổ ngân sách hằng năm.

2. Cấp xã: Phân bổ theo tỷ lệ phần trăm (%) tổng chi thường xuyên ngân sách cấp xã từ Điều 3 đến Điều 14 của Nghị quyết này (đã bao gồm kinh phí khắc phục ô nhiễm môi trường do hoạt động khai thác khoáng sản gây ra), cụ thể như sau:

STT	Địa phương	Định mức (%)
1	Phường Phan Đình Phùng	2
2	Phường Linh Sơn; phường Tích Lương; phường Gia Sàng; phường Quan Triều; phường Phổ Yên; phường Vạn Xuân; phường Trung Thành; phường Bắc Kạn; phường Đức Xuân; phường Quyết Thắng; phường Sông Công; phường Bá Xuyên; phường Bách Quang; phường Phúc Thuận; xã Đại Phúc; xã Phú Bình; xã Kha Sơn; xã Vô Tranh; xã Điềm Thụy; xã Phú Lương	1,5
3	Xã Định Hóa; xã Bình Yên; xã Đồng Hỷ; xã Đại Từ; xã Bằng Thành; xã Đồng Phúc; xã Chợ Đồn; xã Phủ Thông; xã Cẩm Giàng	1
4	Các xã, phường còn lại	0,5

Điều 16. Định mức phân bổ chi thường xuyên khác của ngân sách cấp xã

Phân bổ bằng tỷ lệ 2% tổng chi thường xuyên ngân sách xã đã tính được theo định mức phân bổ nêu trên từ Điều 3 đến Điều 15 của Nghị quyết này (đã bao gồm Quỹ thi đua, khen thưởng theo quy định của Luật Thi đua, khen thưởng).

Điều 17. Định mức phân bổ đối với các Hội do Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ

1. Đối với các Hội được cấp có thẩm quyền giao biên chế:

Tiền lương, phụ cấp và các khoản đóng góp theo lương: Thực hiện khoán kinh phí theo số biên chế có mặt trên cơ sở vận dụng nguyên tắc bố trí chi thường xuyên ngân sách nhà nước lĩnh vực sự nghiệp theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 7 của Nghị quyết này và thực hiện hỗ trợ cho các nhiệm vụ được cấp có thẩm quyền giao.

Chi hoạt động thường xuyên được phân bổ như sau:

STT	Số biên chế các Hội	Định mức phân bổ (Triệu đồng/biên chế/năm)
1	Dưới 05 biên chế	45
2	Từ 05 đến dưới 10	40
3	Từ 10 trở lên	36

Định mức phân bổ chi hoạt động thường xuyên trên đã bao gồm nâng lương thường xuyên.

2. Đối với các Hội khác đảm bảo nguyên tắc tự nguyện, tự quản, tự đảm bảo kinh phí hoạt động theo điều lệ và tuân thủ pháp luật. Ngân sách nhà nước chỉ hỗ trợ cho các nhiệm vụ được cấp có thẩm quyền giao.

Điều 18. Dự phòng ngân sách

Dự phòng ngân sách các cấp từ 2% đến 5% tổng chi ngân sách.

Chương III
TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 19. Tổ chức thực hiện

1. Sở Tài chính, Ủy ban nhân dân cấp xã và các sở, ngành, cơ quan có liên quan căn cứ chức năng nhiệm vụ được giao để tổ chức triển khai thực hiện.

2. Trong quá trình tổ chức thực hiện, nếu có vướng mắc các cơ quan, tổ chức, đơn vị, địa phương phản ánh kịp thời về Sở Tài chính để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh sửa đổi, bổ sung cho phù hợp.

3. Trường hợp các văn bản dẫn chiếu tại Nghị quyết này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế bằng văn bản mới thì áp dụng theo các văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế./